

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 10 – 2019  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Liệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

**- Bị đơn:** Anh Tiêu Cẩm S, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa, anh Tiêu Cẩm S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Tiêu Cẩm S kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 22/8/2012. Hôn nhân giữa chị C và anh S được xây dựng trên cơ sở tự tình hiểu.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh S không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình, anh S nhiều lần tham gia đánh bạc, chị C nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Ngoài ra, anh S còn đánh chị C khi vợ chồng làm việc tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng ly thân khoảng tháng 6/2019 đến nay, khoảng thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị C xác định không còn tình cảm với anh S.

Nay chị Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với anh Tiêu Cẩm S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008. Hiện nay, cháu N đang sống chung với chị C và anh S. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tiêu Cẩm S trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Tiêu Cẩm S thống nhất, chị C và anh S kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện ThB, tỉnh ĐT vào ngày 22/8/2012. Hôn nhân giữa chị C và anh S được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 6/2019 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Anh S thừa nhận trước đây có tham gia đánh bạc và cũng từng đánh chị C. Hiện nay, anh S xác định còn tình cảm vợ chồng với chị C.

Nay anh Tiêu Cẩm S không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008. Hiện nay, cháu N đang sống chung với chị C. Sau khi ly, anh S yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).
- Giấy khai sinh của Tiêu Cẩm Huỳnh N (Bản sao).
- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên*

*tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tiêu Cẩm S cư trú tại ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tiêu Cẩm S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với anh Tiêu Cẩm S.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh S không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình, anh S nhiều lần tham gia đánh bạc, chị C có khuyên ngăn nhưng không được. Hơn nữa, anh S còn có hành vi đánh chị C làm ảnh hưởng đến tinh thần cũng như sức khỏe của chị C. Chị C và anh S sống ly thân khoảng 6/2019 đến nay, khoảng thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị C xác định không còn tình cảm với anh S. Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với anh Tiêu Cẩm S là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi cháu Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị C đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu N. Chị C xác định, chị C có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu N. Mặt khác, tại Bản khai ngày 07/8/2019, cháu N có nguyện vọng sống chung với chị C. Cho nên, chị C nuôi dưỡng cháu N sẽ đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện cả về vật chất và tinh thần. Do đó, giao cháu Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008 cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C và anh S đều xác định là tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị C và anh S đều xác định là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Xét ý kiến của anh Tiêu Cẩm S là anh S không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị C; anh S yêu cầu nuôi cháu Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, như phân tích nêu trên, ý kiến của anh Tiêu Cẩm S là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Tiêu Cẩm S.

- Về con chung: Giao cháu Tiêu Cẩm Huỳnh N, sinh ngày 27/11/2008 cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị C không yêu cầu.

Chị C và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị C và anh S tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0003914 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị C đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã TB, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**